

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông quan Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2021 như sau

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định “*Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án; Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án*”. Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2021 là cần thiết và phù hợp theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Đảm bảo nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tái cơ cấu đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

c) Tập trung đầu tư cho các công trình, dự án thật sự cần thiết, đáp ứng đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công; kiên quyết không bố trí đối với các dự án không đủ thủ tục, không có trong danh mục dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm

a) Kế hoạch phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Gắn việc xây dựng Kế hoạch với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

b) Xác định rõ thứ tự ưu tiên trong Kế hoạch đầu tư công năm 2021 phù hợp với dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2021; phải phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2021.

c) Việc xây dựng Kế hoạch phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

III. NỘI DUNG VĂN BẢN

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2021, với các nội dung như sau:

1. Phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách địa phương năm 2021: 1.686.680 triệu đồng. Bao gồm:

a) Nguồn trong cân đối: 559.680 triệu đồng phân bổ như sau:

- Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (5% trong tổng số vốn trong cân đối ngân sách): 27.984 triệu đồng;

- Trả nợ vay Ngân hàng phát triển: 40.321 triệu đồng;

- Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất: 100.000 triệu đồng;

- Vốn Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 20.897 triệu đồng;

- Vốn đối ứng ODA, NGO và đối ứng vốn Trung ương: 18.755 triệu đồng;

- Hỗ trợ các địa phương: 45.000 triệu đồng (bố trí 01 dự án khởi công mới năm 2021);

- Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương: 306.723 triệu đồng; bố trí 83 dự án, trong đó bố trí 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021 và sau năm 2021, với số vốn là 13.074 triệu đồng; bố trí 81 dự án khởi công mới, với số vốn là 293.649 triệu đồng. Chi tiết phân bổ các chủ đầu tư như sau:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: 13.749 triệu đồng;

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh: 7.074 triệu đồng;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: 33.000 triệu đồng;

+ Sở Thông tin và Truyền thông: 43.000 triệu đồng;

+ Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang: 24.820 triệu đồng;

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 7.000 triệu đồng;

+ Công an tỉnh: 4.500 triệu đồng;

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng: 2.500 triệu đồng;

+ Sở Khoa học và Công nghệ: 4.000 triệu đồng;

+ Sở Tài chính: 4.500 triệu đồng;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư: 6.000 triệu đồng;

+ Sở Tư pháp: 1.800 triệu đồng;

+ Văn phòng Tỉnh ủy: 7.000 triệu đồng;

+ Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang: 6.000 triệu đồng;

+ UBND thành phố Vị Thanh: 11.580 triệu đồng;

+ UBND thành phố Ngã Bảy: 9.625 triệu đồng;

+ UBND thị xã Long Mỹ: 24.375 triệu đồng;

+ UBND huyện Long Mỹ: 22.200 triệu đồng;

+ UBND huyện Vị Thủy: 28.000 triệu đồng;

+ UBND huyện Phụng Hiệp: 19.700 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành: 12.000 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành A: 14.300 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số I đính kèm)

b) Nguồn xổ số kiến thiết: 880.000 triệu đồng phân bổ như sau:

- Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương: 880.000 triệu đồng; bố trí 171 dự án, trong đó bố trí 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021, với số vốn là 17.763 triệu đồng; bố trí 168 dự án khởi công mới, với số vốn là 862.237 triệu đồng. Chi tiết phân bổ các chủ đầu tư như sau:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: 353.100 triệu đồng;

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: 45.000 triệu đồng;

+ Công ty Cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang: 107.000 triệu đồng;

+ Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang: 11.000 triệu đồng;

+ Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang: 60.000 triệu đồng;

+ UBND thành phố Vị Thanh: 41.100 triệu đồng;

+ UBND thành phố Ngã Bảy: 28.000 triệu đồng;

+ UBND thị xã Long Mỹ: 42.500 triệu đồng;

+ UBND huyện Long Mỹ: 54.400 triệu đồng;

+ UBND huyện Vị Thủy: 34.300 triệu đồng;

+ UBND huyện Phụng Hiệp: 39.700 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành: 29.200 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành A: 34.700 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số II đính kèm)

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200.000 triệu đồng phân bổ như sau:

- Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 7.500 triệu đồng;

- Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất: 150.000 triệu đồng.

- Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương: 42.500 triệu đồng; bố trí 15 dự án, trong đó bố trí 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021, với số vốn là 19.550 triệu đồng; bố trí 14 dự án khởi công mới, với số vốn là 22.950 triệu đồng. Chi tiết phân bổ các chủ đầu tư như sau:

+ Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang: 19.550 triệu đồng;

+ UBND thành phố Vị Thanh: 4.420 triệu đồng;

+ UBND thành phố Ngã Bảy: 2.975 triệu đồng;

+ UBND thị xã Long Mỹ: 3.825 triệu đồng;

+ UBND huyện Long Mỹ: 1.700 triệu đồng;

+ UBND huyện Vị Thủy: 1.870 triệu đồng;

+ UBND huyện Phụng Hiệp: 1.785 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành: 2.975 triệu đồng;

+ UBND huyện Châu Thành A: 3.400 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số III đính kèm)

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 47.000 triệu đồng phân bổ như sau:

- Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang: 42.000 triệu đồng;
- Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở
- Dự án thành phần tỉnh Hậu Giang: 5.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số IV đính kèm)

2. Kéo dài thời gian bố trí vốn cho dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A đến năm 2023:

Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A thuộc dự án nhóm A, với tổng mức đầu tư là 742.275 triệu đồng, thời gian thực hiện là 2010 - 2020. Theo quy định tại Điều 52 Luật đầu tư công năm 2019 quy định đối với dự án nhóm A thời gian bố trí vốn không quá 06 năm “*Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương*”.

Hiện nay dự án đang triển khai dở dang do vướng giải phóng mặt bằng và các thủ tục về đất đai phải tiếp tục bố trí vốn đến năm 2023 mới hoàn thành. Do vậy để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư triển khai các hạng mục còn dở dang, để cho dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn cho dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A đến năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. PT.

Tô vech thong qua cho y kim phan bo ke hoach 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục số 1
DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH)
(*Ban hành kèm theo Tờ trình số. 1946/TT-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang*)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư										Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025										Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS													
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số	Trong đó		Tổng số			Trong đó													
									Thụ hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾				Thụ hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾												
	TỔNG SỐ		2.536.161	2.202.728	1.715.019	1.715.019						559.680	559.680		-												
a	Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (5% trong tổng số vốn CDNS)				135.407	135.407						27.984	27.984														
b	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển				49.667	49.667						40.321	40.321														
c	Gửi tiền, gửi chi tiền thuê đất											100.000	100.000														
d	Vốn quy hoạch		54.964	54.964	38.597	38.597						20.897	20.897		-												
I	Sơ Kế hoạch và Đầu tư		54.964	54.964	38.597	38.597						20.897	20.897		-												
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		54.964	54.964	38.597	38.597						20.897	20.897		-												
I	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2020-2022	1984/QĐ-UBND, 08/11/2019	54.964	54.964	38.597	38.597					20.897	20.897														
d	Vốn đối ứng ODA, NGO và đối ứng vốn Trung ương		237.712	82.617	62.184	62.184						18.755	18.755		-												
I	Sơ Y tế		91.829	19.547	19.547	19.547						2.000	2.000		-												
	Dự án Khởi công mới năm 2021		91.829	19.547	19.547	19.547						2.000	2.000		-												
I	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở		501/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	91.829	19.547	19.547	19.547					2.000	2.000														
II	Công ty Cổ phần CTN - CTĐT Hậu Giang		55.974	25.188	4.755	4.755						4.755	4.755		-												
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021		55.974	25.188	4.755	4.755						4.755	4.755		-												
I	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác thải sinh hoạt Kinh Càng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang		193/QĐ-UBND, 5/2/2018	55.974	25.188	4.755	4.755					4.755	4.755														
III	Công an tỉnh		89.909	37.882	37.882	37.882						12.000	12.000		-												
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021		89.909	37.882	37.882	37.882						12.000	12.000		-												
I	Cơ sở làm việc Công an thành phố Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang (Chỉ phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)	2020 - 2023	89.909	37.882	37.882	37.882						12.000	12.000														
e	Hỗ trợ các địa phương		180.000	180.000	180.000	180.000						45.000	45.000		-												
I	UBND huyện Châu Thành		180.000	180.000	180.000	180.000						45.000	45.000		-												
	Dự án khởi công mới năm 2021		180.000	180.000	180.000	180.000						45.000	45.000		-												
I	Đường nối thị trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu	2021-2024	180.000	180.000	180.000	180.000						45.000	45.000				602-TB/VPTU, 26/3/2019										

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: vốn Cân đối NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (đ)				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
g	Thực hiện dự án			2.063.485	1.885.147	1.249.164	1.249.164	-	306.723	306.723	-	-	
*	Tỉnh quản lý			1.615.744	1.437.406	801.423	801.423	-	164.943	164.943	-	-	
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			44.999	44.999	44.999	44.999	-	13.749	13.749	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			44.999	44.999	44.999	44.999	-	13.749	13.749	-	-	
I	Trung Tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Hậu Giang, hạng mục: Nhà y tế, nhà lưu giữ tro cốt và các hạng mục phụ trợ	2021-2023		14.999	14.999	14.999	14.999		5.000	5.000			
2	Sửa chữa Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ (giai đoạn 2)	2021-2023		30.000	30.000	30.000	30.000		8.749	8.749			
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh			193.338	85.000	7.074	7.074	-	7.074	7.074	-	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021			193.338	85.000	7.074	7.074	-	7.074	7.074	-	-	
I	Xây dựng Hồ chứa nước ngọt tỉnh Hậu Giang	2018-2021		139.876	139.876	139.876	139.876	-	33.000	33.000	-	-	
III	Sở Tài nguyên và Môi trường			139.876	139.876	139.876	139.876	-	33.000	33.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			47.562	47.562	47.562	47.562		10.000	10.000			
I	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2	2021 - 2024		52.314	52.314	52.314	52.314		18.000	18.000			
2	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Chính trang đô thị khu vực 3, phường 5, thành phố Vị Thanh	2021 - 2023		40.000	40.000	40.000	40.000		5.000	5.000			
3	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình bản đồ quốc gia tỷ lệ 1:2000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	2021 - 2023		300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
IV	Sở Thông tin và Truyền thông			300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
I	Dự án đầu tư xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025	2021-2024		104.000	104.000	104.000	104.000	-	24.820	24.820	-	-	
V	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang			104.000	104.000	104.000	104.000	-	24.820	24.820	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			104.000	104.000	104.000	104.000	-	24.820	24.820	-	-	
I	Giải phóng mặt bằng: Khu mới gọi đầu tư cây trồng cạn và vi sinh (giai đoạn 1); Khu thực nghiệm trình diễn (giai đoạn 2) thuộc Khu trung tâm - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	2021-2024		104.000	104.000	104.000	104.000		24.820	24.820			
VI	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			20.000	20.000	20.000	20.000	-	7.000	7.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			20.000	20.000	20.000	20.000	-	7.000	7.000	-	-	
I	Nâng cấp, sửa chữa Ban CHQS xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (giai đoạn 2)	2021-2023		20.000	20.000	20.000	20.000		7.000	7.000			

STT		Danh mục dự án		Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành		Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS		Trong đó: vốn CDNS							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB ⁽¹⁾	Tổng số	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB ⁽¹⁾				
VII		Công an tỉnh					13.500	13.500	13.500	13.500	-	-	-	4.500	4.500	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					13500	13500	13500	13.500	-	-	-	4.500	4.500	-	-					
1		Công an xã Phú Hữu		2021 -2023			4.500	4.500	4.500	4.500	-	-	-	1.500	1.500	-	-					
2		Công an xã Vĩ Thanh		2021 - 2023			4.500	4.500	4.500	4.500	-	-	-	1.500	1.500	-	-					
3		Công an xã Vĩ Bình		2021 - 2023			4.500	4.500	4.500	4.500	-	-	-	1.500	1.500	-	-					
VIII		Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng					7.500	7.500	7.500	7.500	-	-	-	2.500	2.500	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					7.500	7.500	7.500	7.500	-	-	-	2.500	2.500	-	-					
1		Hoàn thiện khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng		2021-2023			7.500	7.500	7.500	7.500	-	-	-	2.500	2.500	-	-					
IX		Sở Khoa học và Công nghệ					12.766	12.766	12.766	12.766	-	-	-	4.000	4.000	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					12.766	12.766	12.766	12.766	-	-	-	4.000	4.000	-	-					
1		Đầu tư trang thiết bị Phòng thí nghiệm nuôi cấy tế bào thực vật và Phòng nghiên cứu Công nghệ sinh học thực phẩm, được phẩm và môi trường		2021-2023			11.666	11.666	11.666	11.666	-	-	-	3.500	3.500	-	-					
2		Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ		2021-2023			1.100	1.100	1.100	1.100	-	-	-	500	500	-	-					
X		Sở Tài chính					6.000	6.000	6.000	6.000	-	-	-	4.500	4.500	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					6.000	6.000	6.000	6.000	-	-	-	4.500	4.500	-	-					
1		Phân mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư		2021-2023			3.000	3.000	3.000	3.000	-	-	-	2.500	2.500	-	-					
2		Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang		2021-2023			3.000	3.000	3.000	3.000	-	-	-	2.000	2.000	-	-					
XI		Sở Kế hoạch và Đầu tư					8.000	8.000	8.000	8.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					8.000	8.000	8.000	8.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-					
1		Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang		2021-2023			4.500	4.500	4.500	4.500	-	-	-	3.000	3.000	-	-					
2		Dự án xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý và phát triển doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang		2021-2023			3.500	3.500	3.500	3.500	-	-	-	3.000	3.000	-	-					
XII		Sở Tư pháp					2.000	2.000	2.000	2.000	-	-	-	1.800	1.800	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					2.000	2.000	2.000	2.000	-	-	-	1.800	1.800	-	-					
1		Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang		2021-2023			2.000	2.000	2.000	2.000	-	-	-	1.800	1.800	-	-					
XIII		Văn phòng Tỉnh ủy					20.990	20.990	20.990	20.990	-	-	-	7.000	7.000	-	-					
		Dự án khởi công mới năm 2021					20.990	20.990	20.990	20.990	-	-	-	7.000	7.000	-	-					
1		Dự án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng		2021-2023			20.990	20.990	20.990	20.990	-	-	-	7.000	7.000	-	-					
IX		Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	-	6.000	6.000	-	-		0			
		Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	-	6.000	6.000	-	-		0			
		Dự án nhóm A					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	-	6.000	6.000	-	-		0			

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn I, huyện Châu Thành A	2010-2023	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	114.218	114.218		6.000					
**	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ			447.741	447.741	447.741	447.741	-						
I	UBND thành phố Vị Thanh			44.293	44.293	44.293	44.293	-						
	Dự án khởi công mới năm 2021			44.293	44.293	44.293	44.293	-						
	Dự án nhóm C			44.293	44.293	44.293	44.293	-						
1	Đường Hòa Bình nối dài	2021-2023		37.293	37.293	37.293	37.293		9.080					
2	Xây dựng cầu Tàu tại khu vực 2 phường I, thành phố Vị Thanh	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000		2.500					
II	UBND thành phố Ngã Bảy			31.600	31.600	31.600	31.600	-						
	Dự án khởi công mới năm 2021			31.600	31.600	31.600	31.600	-						
	Dự án nhóm C			31.600	31.600	31.600	31.600	-						
1	Nâng cấp lộ Mang Cá, xã Đại Thành	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000		1.500					
2	Lộ kênh Đào (đoạn từ Mái Dầm đến Ba Ngàn A), xã Đại Thành	2021-2023		5.600	5.600	5.600	5.600		2.000					
3	Nâng cấp sửa chữa kho vũ khí Ban Chỉ huy Quân sự thị xã, trụ sở Công an xã Tân Thành và xã Đại Thành	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000		500					
4	Lộ ven kênh Lái Hiếu, khu vực IV, phường Lái Hiếu	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000		1.000					
5	Lộ kênh 1000 thuộc khu vực IV, phường Lái Hiếu	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000		1.000					
6	Lộ kênh 500, khu vực V, phường Ngã Bảy	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000		1.000					
7	Công viên cây xanh và khu tái định cư cấp đường Lê Hồng Phong và đường Phạm Hùng (nối dài)	2021-2023		14.000	14.000	14.000	14.000		2.625					
III	UBND thị xã Long Mỹ			78.500	78.500	78.500	78.500	-						
	Dự án khởi công mới năm 2021			78.500	78.500	78.500	78.500	-						
	Dự án nhóm C			78.500	78.500	78.500	78.500	-						
1	Kho lưu trữ thị xã Long Mỹ	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000		1.500					
2	Trụ sở UBND phường Vĩnh Tường	2021-2023		15.500	15.500	15.500	15.500		2.975					820/TB-VPTU, 02/12/2019
3	Trụ sở phường Trà Lồng	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000		5.000					Chưa có trụ sở, đang ở tạm trường học cũ

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư					Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CPNS					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP				Tổng số	Trong đó	Thư hỏi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XD CB ⁽¹⁾	Tổng số	Trong đó	Thư hỏi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB ⁽¹⁾	
4	Trụ sở phường Bình Thạnh	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000				5.000	5.000			Chưa có trụ sở, đang ở tạm trường chính trị Đa Xương cấp nghiệm tương		
5	Trụ sở UBND xã Long Trị A	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000				5.000	5.000			Đã xuống cấp nghiệm tương		
6	Trụ sở Công an Phường Trà Lồng (vốn bồi hoàn)	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000				900	900					
7	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	2021-2023		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				3.000	3.000			Chưa có trụ sở đang ở tạm		
8	Nâng cấp, sửa chữa cơ quan Chi cục Thuế cũ làm trụ sở làm việc các cơ quan ban, ngành thị xã	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000				1.000	1.000					
IV	UBND huyện Long Mỹ			43.830	43.830	43.830	43.830	43.830				22.200	22.200					
	Dự án khởi công mới năm 2021			43.830	43.830	43.830	43.830	43.830				22.200	22.200					
	Dự án nhóm C			43.830	43.830	43.830	43.830	43.830				22.200	22.200					
1	Đường bê tông bờ Bắc kênh 19/5 ấp 6 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		2.200	2.200	2.200	2.200	2.200				1.000	1.000					
2	NCSC trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023		1.130	1.130	1.130	1.130	1.130				700	700					
3	NCSC Hội trường UBND huyện Long Mỹ và 05 phòng nhà công vụ	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000				500	500					
4	Đường bê tông tuyến kênh 5 Biểi ấp 10 xã Lương Nghĩa	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000				1.500	1.500					
5	Đường bê tông bờ Nam kênh Rạch Bảo Ràng ấp 6 xã Lương Nghĩa	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000				2.500	2.500					
6	Đường bê tông bờ Đông kênh Thủy Lợi 4 ấp 11 xã Lương Nghĩa	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500	1.500				500	500					
7	Đường bê tông tuyến kênh Cái Rắn (đoạn từ cầu Châu đến sông Cái Ngạn Dĩa) ấp 7 xã Xã Phiến	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000				2.000	2.000					
8	Đường bê tông tuyến kênh Chông Mỹ (đoạn từ 930B đến sông Ngạn Dĩa) ấp 6 xã Xã Phiến	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000	7.000				3.500	3.500					
9	Đường bê tông bờ Bắc kênh Long Mỹ 2 ấp 3, ấp 4 xã Thuận Hòa	2021-2023		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				5.000	5.000					
10	Nâng cấp mở rộng đường nội ô thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				5.000	5.000					
V	UBND huyện Vĩnh Thủy			103.802	103.802	103.802	103.802	103.802				28.000	28.000					
	Dự án khởi công mới năm 2021			103.802	103.802	103.802	103.802	103.802				28.000	28.000			TB		
1	Tuyến đường giao thông nông thôn ấp 5, thị trấn Năng Mau	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000				1.500	1.500			933/TB/VPTU 11/6/2020		
2	Tuyến Kênh Ngang (ấp 6, 7), xã Vĩnh Thuận Tây	2021-2023		9.000	9.000	9.000	9.000	9.000				3.000	3.000			TB 933/TB/VPTU 11/6/2020		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		
3	Cầu Kênh Hậu	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000		5.000	1.500	1.500		812-TB/VPTU, 28/11/2019	
4	Đường GTNT áp 6, áp 7, áp 8 xã Vị Thắng	2021-2023		6.000	6.000	6.000	6.000		6.000	2.000	2.000			
5	Kè kênh xáng Nàng Mau (giai đoạn 2)	2021-2024		78.802	78.802	78.802	78.802		78.802	20.000	20.000		812-TB/VPTU, 28/11/2019	
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			61.116	61.116	61.116	61.116	-	61.116	19.700	19.700	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			61.116	61.116	61.116	61.116	-	61.116	19.700	19.700	-		
1	Tuyến lộ cấp kênh Xáng Nàng Mau (bờ phải) xã Tân Long - Long Thạnh	2021-2023		12.000	12.000	12.000	12.000		12.000	4.000	4.000			
2	Tuyến từ trường THCS Hòa Mỹ đến Ngã Tư Phụng Thuật	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000		7.000	2.000	2.000			
3	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5 cấp kênh La Bạch trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp (giai đoạn 2)	2021-2023		13.316	13.316	13.316	13.316		13.316	4.000	4.000			
4	Trụ sở UBND xã Thạnh Hoà	2021-2023		16.000	16.000	16.000	16.000		16.000	5.000	5.000		3131, TB-VPTU, 17/7/2019	
5	Trụ sở công an xã Thạnh Hoà	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000			
6	Trụ sở xã đội xã Thạnh Hoà	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000			
7	NCSC trụ sở xã đội, công an, nhà bia xã Hoà Mỹ	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500		1.500	700	700			
8	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy	2021-2023		7.300	7.300	7.300	7.300		7.300	2.000	2.000			
VII	UBND huyện Châu Thành			38.700	38.700	38.700	38.700	-	38.700	12.000	12.000	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			38.700	38.700	38.700	38.700	-	38.700	12.000	12.000	-		
1	Xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại, thân thiện huyện Châu Thành	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000		5.000	1.500	1.500			
2	Khu hành chính xã Đông Phú, huyện Châu Thành	2021-2023		14.000	14.000	14.000	14.000		14.000	4.500	4.500			
3	Cầu Kênh Thạnh Đông nối với thành phố Cần Thơ	2021-2023		10.000	10.000	10.000	10.000		10.000	3.000	3.000			
4	Tuyến đường kết nối với Tp Cần Thơ (từ đường ô tô Cái Chánh-Đông Phú nối đường ô tô phường Tân Phú, quận Cái Răng)	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000		3.000	1.000	1.000			
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông Tràm Bông	2021-2023		6.700	6.700	6.700	6.700		6.700	2.000	2.000		TB 927-TB/VPTU 09/6/2020	
VIII	UBND huyện Châu Thành A			45.900	45.900	45.900	45.900	-	45.900	14.300	14.300	-	-	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư										Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS										
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS									
														Thụ hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾			Thụ hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾				
	Dự án khởi công mới năm 2021			45.900	45.900	45.900	45.900				14.300	14.300	-	-									
1	Tuyến giao thông nông thôn kênh Đông Phấp	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000				1.500	1.500											
2	Tuyến giao thông Kênh 7000 ấp Trường Thuận - Trường Thuận A	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000				1.500	1.500											
3	Đường giao thông tuyến kênh 6 Thước	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
4	Đường giao thông tuyến kênh Ranh	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
5	Đường đường giao thông hẻm nước mặn Y Hương	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000				700	700											
6	Lộ GTNT tuyến kênh 500	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
7	Đường giao thông từ cầu Đất Sét đến Rạch Chùa	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
8	Đường giao thông tuyến kênh 7000	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
9	Đường giao thông tuyến cấp sông Ba Láng ấp Long An	2021-2023		4.000	4.000	4.000	4.000				1.500	1.500											
10	Tuyến giao thông nông thôn kênh Dây	2021-2023		6.000	6.000	6.000	6.000				600	600											
11	Tuyến giao thông nông thôn kênh Tré	2021-2023		6.000	6.000	6.000	6.000				600	600											
12	Cầu Kênh 4000 ấp Trường Phước A	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
13	Đường giao thông Hương lộ 12	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				600	600											
14	Lộ GTNT tuyến kênh Xáng Mới; dài: 900m	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500				700	700											
15	Đường giao thông đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Thuận	2021-2023		4.000	4.000	4.000	4.000				1.500	1.500											
16	Đường giao thông từ vàm Rạch Chùa đến ngọn Rạch Chùa	2021-2023		4.000	4.000	4.000	4.000				1.500	1.500											

Phụ lục số II
DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT)

(Ban hành kèm theo Tờ trình số. 1946/TT-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

DVT: Triệu đồng

STT		Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư										Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
1	2	5	6	7	8	15	16	17	18									19				
	TỔNG SỐ			1.472.243	1.472.203	1.439.235	1.439.235	-	-	880.000	880.000	-	-									
	Vốn thực hiện dự án			1.472.243	1.472.203	1.439.235	1.439.235	-	-	880.000	880.000	-	-									
*	CẤP TỈNH QUẢN LÝ			943.737	943.737	920.627	920.627	-	-	576.100	576.100	-	-									
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			624.740	624.740	601.630	601.630	-	-	353.100	353.100	-	-									
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			37.173	37.173	14.063	14.063	-	-	14.063	14.063	-	-									
1	Sửa chữa Khoa Nội 1, Bệnh viện đa khoa tỉnh	2020-2022		7.442	7.442	3.887	3.887			3.887	3.887											
2	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A	2020-2022		29.731	29.731	10.176	10.176			10.176	10.176											
	Dự án khởi công mới năm 2021			587.567	587.567	587.567	587.567	-	-	339.037	339.037	-	-									
	Dự án nhóm C			587.567	587.567	587.567	587.567	-	-	339.037	339.037	-	-									
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang	2021-2023		21.328	21.328	21.328	21.328			12.237	12.237											
2	Cải tạo mở rộng bệnh viện chuyên khoa Tâm thần - Da liễu tỉnh	2021-2023		10.221	10.221	10.221	10.221			6.000	6.000											
3	Trung tâm Y tế thành phố Vị Thanh	2021-2023		45.000	45.000	45.000	45.000			20.000	20.000											
4	Cải tạo mở rộng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh	2021-2023		20.000	20.000	20.000	20.000			12.000	12.000											
5	Trạm y tế Phường IV	2022-2024		9.000	9.000	9.000	9.000			5.000	5.000											
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công trình y tế giai đoạn 1 và xây dựng Trụ sở Trung tâm Pháp y, Trung Tâm Giám định Y khoa, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	2021-2024		190.000	190.000	190.000	190.000			110.000	110.000											
7	Cải tạo, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh	2021-2023		63.500	63.500	63.500	63.500			35.000	35.000											

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú									
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT											
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số	Tổng số		Tổng số	Tổng số	Tổng số						
8	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	2021-2023		450	450		450	450				400	400							
9	Trường THPT Vĩnh Tường	2021-2023		18.000	18.000		18.000	18.000				12.000	12.000							Trường chuẩn
10	Trường THPT Cây Dương	2021-2023		21.300	21.300		21.300	21.300				14.000	14.000							Trường chuẩn
11	Trường THPT Cây Dương (phần hiệu Bùng Tàu).	2021-2023		15.000	15.000		15.000	15.000				8.000	8.000							Trường chuẩn
12	Trường THPT Châu Thành A	2021-2023		9.000	9.000		9.000	9.000				5.000	5.000							Trường chuẩn
13	Trường THPT Tây Đô	2021-2023		14.000	14.000		14.000	14.000				8.000	8.000							Trường chuẩn
14	Trường THPT Phú Hữu	2021-2023		15.000	15.000		15.000	15.000				10.000	10.000							Trường chuẩn
15	Trường THPT Ngã Sáu	2021-2023		9.000	9.000		9.000	9.000				5.000	5.000							Trường chuẩn
16	Trường THPT Trường Long Tây.	2021-2023		9.200	9.200		9.200	9.200				5.000	5.000							Trường chuẩn
17	Trường THPT Tân Phú	2021-2023		2.000	2.000		2.000	2.000				1.500	1.500							Trường chuẩn
18	Trường THPT Tân Long	2021-2023		12.000	12.000		12.000	12.000				8.000	8.000							Trường chuẩn
19	Trường THPT Hòa An	2021-2023		10.000	10.000		10.000	10.000				6.000	6.000							Trường chuẩn
20	Trường THPT Long Mỹ	2021-2023		18.000	18.000		18.000	18.000				12.000	12.000							Trường chuẩn
21	Trường THPT Vị Thủy	2021-2023		7.000	7.000		7.000	7.000				3.500	3.500							Trường chuẩn
22	Trường THPT Lê Hồng Phong	2021-2023		8.500	8.500		8.500	8.500				4.000	4.000							Trường chuẩn
23	Trường THPT Tâm Vu	2021-2023		5.000	5.000		5.000	5.000				3.000	3.000							Trường chuẩn
24	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	2021-2023		7.000	7.000		7.000	7.000				4.000	4.000							Trường chuẩn
25	Trường THPT Lương Thế Vinh	2021-2023		9.000	9.000		9.000	9.000				5.000	5.000							Trường chuẩn

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư										Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021, nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
26	Trường THPT Cai Tắc.	2021-2023		9.000	9.000	9.000	9.000	9.000			5.000	5.000			Trường chuẩn						
27	Trường PTDT Nội trú Hüm Lam	2021-2023		3.500	3.500	3.500	3.500	3.500			2.000	2.000			Trường chuẩn						
28	Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến thắng Chương Thiện: Sơn lại và xử lý chống lùn tam cấp nhà trưng bày, công hàng rào, nhà làm việc, nhà bảo vệ và bảo quản các hiện vật trưng bày ngoài trời (xe tăng, máy bay, súng, đạn...); thay mới hệ thống đèn chiếu sáng, trồng thêm cây kiếng.	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000	3.000									
29	Di tích Liền Tỉnh ủy Cần Thơ: Sơn lại hàng rào, bia, xử lý chống lùn nền; Gĩa cỏ bờ kè	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000			900	900									
30	Xây dựng 02 cụm pano tại Cầu Cai Tắc và đường Nam Sông Hüm	2021-2023		5.800	5.800	5.800	5.800	5.800			3.000	3.000									
31	Di tích Ủy ban liên hợp đình chiến Nam Bộ	2021-2023		2.113	2.113	2.113	2.113	2.113			1.500	1.500									
32	Xây dựng tượng đài thuộc di tích Chiến thắng Chầy Đạp, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp	2021-2023		7.300	7.300	7.300	7.300	7.300			5.000	5.000									
33	Xây dựng Nhà Trưng bày Cổ Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	2021-2023		5.355	5.355	5.355	5.355	5.355			4.000	4.000									
II	Sở Giáo dục và Đào tạo			56.397	56.397	56.397	56.397	56.397	0	0	45.000	45.000									
	Dự án khởi công mới năm 2021			56.397	56.397	56.397	56.397	56.397	-	-	45.000	45.000									
	Dự án nhóm B			56.397	56.397	56.397	56.397	56.397	-	-	45.000	45.000									
1	Đầu tư hệ thống lọc nước uống cho các trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2	2021-2023		56.397	56.397	56.397	56.397	56.397			45.000	45.000									
III	Công ty Cổ phần cấp nước và VSMT nông thôn Giang			152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	-	-	107.000	107.000									
	Dự án khởi công mới năm 2021			152.000	152.000	152.000	152.000	152.000			107.000	107.000									
1	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng huyện Phụng Hiệp (Công suất 200m³/h)	2021-2023		43.000	43.000	43.000	43.000	43.000			30.000	30.000									
2	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp (Công suất 50m³/h)	2021-2023		22.000	22.000	22.000	22.000	22.000			15.000	15.000									

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Trong đó: vốn XSKT		Trong đó: Trong đó: vốn XSKT		
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
3	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Phương Bình (Năng công suất từ 30m³/h lên 100m³/h)	2021-2023		17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	-	-	12.000	12.000			
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vĩ Thắng, huyện Vĩ Thủy (Năng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021-2023		17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	-	-	12.000	12.000			
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Hòa Tiến, thành phố Vĩ Thanh (Năng công suất từ 35m³/h lên 100m³/h)	2021-2023		18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	-	-	14.000	14.000			
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Long Bình, thị xã Long Mỹ (Năng công suất từ 40m³/h lên 100m³/h)	2021-2023		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	-	-	14.000	14.000			
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phương Phú, huyện Phụng Hiệp (Năng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	-	10.000	10.000			
IV	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang			14000	14000	14000	14.000	14.000	0	0	11.000	11.000			
	Dự án khởi công mới năm 2021			14000	14000	14000	14000	14000	0	0	11.000	11.000			
1	Nâng cấp, sửa chữa Thư viện và xây dựng Thư viện điện tử của trường (trang thiết bị và phần mềm Thư viện điện tử)	2021-2023		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000			3.000	3.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa ký túc xá, hàng rào trường CĐCD Hậu Giang	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000			4.000	4.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa Khu nhà học A1 và B1	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000			4.000	4.000			
V	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang			96600	96600	96600	96600	96.600	0	0	60.000	60.000			
	Dự án khởi công mới năm 2021			96600	96600	96600	96600	96600	0	0	60.000	60.000			
1	Nâng cấp hệ thống phát thanh - truyền hình Hậu Giang	2021-2024		96.600	96.600	96.600	96.600	96.600			60.000	60.000			
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ			528.506	528.466	528.466	518.608	518.608	0	0	303.900	303.900			
I	UBND thành phố Vĩ Thanh			60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	0	0	41.100	41.100			

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
	Dự án khởi công mới năm 2021			60.466	60.466	60.466	60.466	0	0	41.100	41.100						
1	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, xã Hòa Lưu, thành phố Vĩ Thanh (giai đoạn 2)	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000			4.000	4.000				Trường chuẩn		
2	Trường Tiểu học Him Lam, phường IV, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		2.200	2.200	2.200	2.200			2.000	2.000				Trường chuẩn		
3	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, phường V thành phố Vĩ Thanh (giai đoạn 2)	2021-2023		9.500	9.500	9.500	9.500			6.000	6.000				Trường chuẩn		
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vành Khuyên, Phường IV, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		1.800	1.800	1.800	1.800			1.600	1.600				Trường chuẩn		
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sen Hồng, Phường III, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000				Trường chuẩn		
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, phường IV, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		1.300	1.300	1.300	1.300			1.100	1.100				Trường chuẩn		
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Trà Mĩ, Phường III, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000			900	900				Trường chuẩn		
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chu Văn An, phường VII, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		3.400	3.400	3.400	3.400			2.500	2.500				Trường chuẩn		
9	Trường THCS Châu Văn Liêm, phường IV, thành phố Vĩ Thanh	2021-2023		23.000	23.000	23.000	23.000			15.000	15.000				Trường chuẩn		
10	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, phường IV, thành phố Vĩ Thanh (mở rộng diện tích đất)	2021-2023		10.266	10.266	10.266	10.266			6.000	6.000				Trường chuẩn		
II	UBND thành phố Ngã Bảy			44.113	44.113	41.815	41.815	-	-	28.000	28.000	-	-				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021			5.998	5.998	3.700	3.700	-	-	3.700	3.700	-	-				
1	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thị xã Ngã Bảy	2020-2022		5998	5998	3700	3700			3.700	3.700						
	Dự án khởi công mới năm 2021	2022		38.115	38.115	38.115	38.115	-	-	24.300	24.300						
1	Cầu tàu chợ nổi Ngã Bảy	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000						
2	Nâng cấp sửa chữa Trường Mẫu giáo Phong Lan	2021-2023		900	900	900	900			800	800				TB 934/TB-VPTU 11/6/2020		
3	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200			1.000	1.000				TB 934/TB-VPTU 11/6/2020		
4	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Hùng Vương	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000			900	900				TB 934/TB-VPTU 11/6/2020		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					
5	Nâng cấp sửa chữa Trường THCS Đại Thành	2021-2023		900	900			900			800		TB 934/TB-VPTU 11/6/2020
6	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Ngã Bảy	2021-2023		3.700	3.700			3.700			2.000		
7	Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ Phụng Hiệp - Ngã Bảy	2021-2023		7.000	7.000			7.000			4.000		
8	Nâng cấp sửa chữa 4 điểm trường (Trường Tiểu học Lái Hiếu, Trường Tiểu học Tân Thành 2, Trường Mẫu giáo Bông Sen, Trường Mẫu giáo Sao Mai)	2021-2023		1.000	1.000			1.000			900		
9	Trường Tiểu học Kim Đồng	2021-2023		4.000	4.000			4.000			3.000		
10	Trường Tiểu học Hiệp Thành 3	2021-2023		3.000	3.000			3.000			2.000		Trường chuẩn
11	Nhà ăn bán trú Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	2021-2023		3.000	3.000			3.000			2.000		Trường chuẩn
12	Hạ tầng nhà bia liệt sĩ Đại Thành và Tân Thành	2021-2023		1.000	1.000			1.000			900		
13	Trường trung học cơ sở Đại Thành, xã Đại Thành	2021-2023		8.415	8.415			8.415			4.000		818/TB-VPTU, 02/12/2019
III	UBND thị xã Long Mỹ			68.244	68.244			68.244	0	0	42.500		
*	Dự án khởi công mới năm 2021			68.244	68.244			68.244	0	0	42.500		
1	Sân bóng đá thị xã Long Mỹ	2021-2023		5.000	5.000			5.000			3.000		
2	Trường Mẫu giáo Hòa Mĩ, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ (Điện, nước và cây xanh)	2021-2023		4.000	4.000			4.000			3.000		Trường chuẩn
3	Trường Mẫu giáo Long Phú, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023		1.000	1.000			1.000			600		Trường chuẩn
4	Trường Tiểu học Long Phú 1, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023		5.000	5.000			5.000			3.000		Trường chuẩn
5	Trường Trung học cơ sở Long Phú, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023		1.500	1.500			1.500			800		Trường chuẩn
6	Trường Tiểu học Long Bình, xã Long Bình, thị xã Long Mỹ	2021-2023		9.000	9.000			9.000			6.000		Trường chuẩn
7	Trường Mẫu giáo Long Bình, xã Long Bình, thị xã Long Mỹ	2021-2023		7.200	7.200			7.200			5.000		Trường chuẩn

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
8	Trường Tiểu học Tân Phú 3, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023		8.500	8.500	8.500	8.500				5.000	5.000						Trường chuẩn			
9	Trường Trung học cơ sở Tân Phú, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023		1.300	1.300	1.300	1.300				1.100	1.100						Trường chuẩn			
10	Trường Tiểu học Thuận An, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ	2021-2023		17.000	17.000	17.000	17.000				10.000	10.000						Trường chuẩn			
11	Trường Tiểu học Lê Văn Tâm	2021-2023		8.744	8.744	8.744	8.744				5.000	5.000						Trường chuẩn			
IV	UBND huyện Long Mỹ			92.420	92.420	87.920	87.920	0		0	54.400	54.400									
	Dự án khởi công mới năm 2021			92.420	92.420	87.920	87.920	0		0	54.400	54.400									
1	Trường Mẫu giáo Xã Phiên 2	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000				3.000	3.000						Trường chuẩn			
2	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa (Giai đoạn 2)	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000				2.000	2.000						Trường chuẩn			
3	Trường Tiểu học Lương Tâm 1	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000				3.000	3.000						Trường chuẩn			
4	Công chào huyện Long Mỹ (đoạn cầu Trắng)	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500				1.300	1.300									
5	Công chào huyện Long Mỹ (đoạn đường tỉnh 931)	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000				800	800									
6	Công chào huyện Long Mỹ (đoạn đường tỉnh 930B)	2021-2023		800	800	800	800				700	700									
7	Công chào thị trấn Vĩnh Viễn (đường tỉnh 930)	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000				800	800									
8	Cụm parô cầu Trắng xã Thuận Hưng	2021-2023		500	500	500	500				400	400									
9	Cụm parô Giáp ranh xã Thuận Hưng - thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023		500	500	500	500				400	400									
10	Cụm parô Ngã tư 10 Thước - Vĩnh Thuận Thôn	2021-2023		500	500	500	500				400	400									
11	Cụm parô phà Xẻo Vẹt xã Lương Tâm	2021-2023		500	500	500	500				400	400									
12	Cụm parô đò Chín Tiến thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023		500	500	500	500				400	400									
13	Cụm parô trung tâm hành chính huyện Long Mỹ	2021-2023		500	500	500	500				400	400									

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Trong đó: vốn XSKT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT			
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT
14	Cụm panô cầu Vĩnh Chèo xã Vĩnh Viễn (Đường tỉnh 931)	2021-2023		500	500	500	500	500	400	400				
15	Cụm panô Giáp ranh xã Thuận Hưng - xã Xá Phấn	2021-2023		500	500	500	500	500	400	400				
16	Cụm panô đền thờ Bắc Hồ	2021-2023		500	500	500	500	500	400	400				
17	Cụm panô Giáp ranh xã Lương Nghĩa - xã Vĩnh Tuy	2021-2023		500	500	500	500	500	400	400				
18	Trường THCS Thuận Hưng	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	4.000	4.000				Trường chuẩn
19	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	2021-2023		8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	5.000	5.000				Trường chuẩn
20	Trường Mẫu giáo Xã Phấn 1 (giai đoạn 2)	2021-2023		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	7.000	7.000				Trường chuẩn
21	Trường THCS Nguyễn Thành Đồ	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000	10.500	7.000	7.000				
22	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	2.000	2.000				
23	Nhà văn hóa ấp 6 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	800	800				
24	Nhà văn hóa ấp 9 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	800	800				
25	Nhà văn hóa ấp 10 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		800	800	800	800	800	700	700				
26	Cổng chào trước đầu ra xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		300	300	300	300	300	250	250				
27	Cổng chào trước đầu vào xã Vĩnh Viễn A	2021-2023		300	300	300	300	300	250	250				
28	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn 1	2021-2023		5.000	5000	5.000	5.000	5.000	3.000	3.000				Trường chuẩn
29	Trường THCS Xá Phấn	2021-2023		12.000	12000	12.000	12.000	12000	4.000	4.000				
30	Trường THCS Lương Tân	2021-2023		6.720	6.720	6.720	6.720	6.720	4.000	4.000				Trường chuẩn
V	UBND huyện Vị Thủy			80.453	80.453	80.453	80.453	80.453	34.300	34.300				
	Dự án khởi công mới năm 2021			80.453	80.453	80.453	80.453	80.453	34.300	34.300				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư					Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					
											Trong đó		Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	
1	Trường tiểu học thị trấn Nàng Mau 1	2021-2023		7.000	7.000	7.000		7.000					5.000	5.000			Trường chuẩn	
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Tường	2021-2023		500	500	500		500					400	400				
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Thanh	2021-2023		500	500	500		500					400	400				
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Thủy	2021-2023		500	500	500		500					400	400				
5	Nâng cấp, bìa tường niệm anh hùng liệt sỹ	2021-2023		700	700	700		700					600	600				
6	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Trung	2021-2023		2.000	2.000	2.000		2.000					1.500	1.500				
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Đông	2021-2023		1.400	1.400	1.400		1.400					1.200	1.200				
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Thanh	2021-2023		1.400	1.400	1.400		1.400					1.200	1.200				
9	Trường mẫu giáo Hòa Hồng	2021-2023		3.000	3.000	3.000		3.000					2.000	2.000			Trường chuẩn	
10	Trường mầm non Vàng Anh	2021-2023		5.000	5.000	5.000		5.000					3.000	3.000			Trường chuẩn	
11	Trường tiểu học Vĩnh Thanh 2	2021-2023		8.000	8.000	8.000		8.000					5.000	5.000			Trường chuẩn	
12	Trường tiểu học Vĩnh Thanh 3	2021-2023		4.000	4.000	4.000		4.000					3.000	3.000			Trường chuẩn	
14	Trường Mẫu giáo Vĩnh Đông	2021-2023		4.000	4.000	4.000		4.000					3.000	3.000			Trường chuẩn	
15	Trường tiểu học Vĩnh Đông 1	2021-2023		10.000	10.000	10.000		10.000					6.000	6.000			Trường chuẩn	
16	Trường tiểu học Vĩnh Đông 2	2021-2023		6.000	6.000	6.000		6.000					300	300			Trường chuẩn	
17	Trường tiểu học Vĩnh Đông 3	2021-2023		6.453	6.453	6.453		6.453					300	300			Trường chuẩn	
18	Trường tiểu học Vĩnh Đông 4	2021-2023		9.000	9.000	9.000		9.000					400	400			Trường chuẩn	
19	Trường THCS Vĩnh Đông	2021-2023		6.000	6.000	6.000		6.000					300	300			Trường chuẩn	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Trong đó: Trong đó				Tổng số	Tổng số		Tổng số			
20	05 Nhà văn hóa các ấp thị trấn Nàng Mau	2021-2023		5.000	5.000	5.000	5.000				300				TB
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			73.993	73.993	73.993	73.993	0	0	0	39.700				933/TB/VPTU 11/6/2020
	Dự án khởi công mới năm 2021			73.993	73.993	73.993	73.993	0	0	0	39.700				
1	Trường THCS Hưng Điện	2021-2023		7.100	7.100	7.100	7.100				4.000				Trường chuẩn
2	Trường THCS Hòa Mỹ	2021-2023		10.200	10.200	10.200	10.200				7.000				Trường chuẩn
3	Trường THCS Bình Thành	2021-2023		5.200	5.200	5.200	5.200				3.000				Trường chuẩn
4	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phụng Hiệp	2021-2023		9.500	9.500	9.500	9.500				4.500				
5	Trạm y tế xã Thanh Hoà	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000				3.000				
6	NCSC Nhà văn hoá ấp Hoà Phụng B	2021-2023		500	500	500	500				400				
7	Nhà văn hoá ấp Hoà Long A	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				1.000				
8	Nhà văn hoá ấp Hoà Long B	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				1.000				
9	Nhà văn hóa ấp Hòa Phụng A	2021-2023		500	500	500	500				400				
10	Nhà văn hoá ấp Hoà Bình	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				1.100				
11	Cổng chào thị trấn Kinh Cùng	2021-2023		600	600	600	600				500				
12	NCSC Nhà văn hoá ấp Mỹ Quới B	2021-2023		500	500	500	500				400				
13	NCSC Nhà văn hoá ấp Mỹ Lợi	2021-2023		500	500	500	500				400				
14	Nhà văn hoá ấp Mỹ Hoà	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				1.100				
15	Nhà văn hoá ấp Hưng Phú	2021-2023		1.200	1.200	1.200	1.200				1.100				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT							
16	Nhà văn hoá ấp Thống Nhất	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500			1.300	1.300								
17	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phụng Hiệp	2021-2023		7.500	7.500	7.500	7.500			2.500	2.500								
18	Đường vào trung tâm hành chính xã Thanh Hòa	2021-2023		9.900	9.900	9.900	9.900			4.000	4.000								
19	Trung tâm văn hoá - thể thao TT Kinh Cùng	2021-2023		7.493	7.493	7.433	7.433			3.000	3.000								
VII	UBND huyện Châu Thành			48.943	48.903	45.903	45.903	-	-	29.200	29.200								
				48.943	48.903	45.903	-	-	29.200	29.200									
1	Trường Mẫu giáo Phú Tân (Quy hoạch mở rộng xây dựng các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị ở các khu A,B,C để công nhận đạt chuẩn)	2021-2023		15.000	15.000	15.000	15.000			10.000	10.000						Trường chuẩn		
2	Trường Tiểu học Đồng Phú 1 (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000			1.500	1.500						Trường chuẩn		
3	Trường Tiểu học Đồng Thành 1 (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000			800	800						Trường chuẩn		
4	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1 (Xây dựng mới 4 phòng, nâng cấp sửa chữa các và trang thiết bị)	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000						Trường chuẩn		
5	Trường THCS Nguyễn Văn Quy (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000						Trường chuẩn		
6	Trường THCS Đồng Phước A (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		2.000	2.000	2.000	2.000			1.500	1.500						Trường chuẩn		
7	Trường Tiểu học Đồng Khởi (Xây dựng mới phòng học, khôi phục phục vụ học tập, khôi hiệu bộ và trang thiết bị)	2021-2023		15.000	15.000	12.000	12.000			6.000	6.000						Trường chuẩn		
8	Trường Mẫu giáo Hướng Dương (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		1.000	1.000	1.000	1.000			900	900						Trường chuẩn		
9	Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		2.500	2.500	2.500	2.500			1.500	1.500						Trường chuẩn		
10	Trường Tiểu học Phú Hữu 3 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		2.500	2.500	2.500	2.500			1.500	1.500						Trường chuẩn		
11	Trường Mẫu giáo Đồng Phú (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023		1.943	1.903	1.903	1.903			1.500	1.500						Trường chuẩn		
VIII	UBND huyện Châu Thành A			59.874	59.874	59.874	59.874	0	0	34.700	34.700								

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
	Dự án khởi công mới năm 2021			59.874	59.874	59.874	59.874	0	0	34.700	34.700				
1	Trường Mầm non Anh Đào	2021-2023		20.874	20.874	20.874	20.874			12.000	12.000				Trường chuẩn
2	Trường tiểu học Ngô Quyền	2021-2023		14.900	14.900	14.900	14.900			8.000	8.000				Trường chuẩn
3	Mua sắm bàn, ghế, trang thiết bị phục vụ giảng dạy các trường trên địa bàn huyện	2021-2023		4.200	4.200	4.200	4.200			3.000	3.000				Trường chuẩn
4	Hội trường Trường THCS thị trấn Cái Tắc	2021-2023		7.000	7.000	7.000	7.000			5.000	5.000				Trường chuẩn
5	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rạch Gỏi B	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500			1.300	1.300				Trường chuẩn
6	Trường THCS Nhơn Nghĩa A	2021-2023		9.900	9.900	9.900	9.900			4.000	4.000				Trường chuẩn
7	Nâng cấp Trường THCS Trường Long A	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500			1.400	1.400				Trường chuẩn

Phụ lục số III

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)

(Ban hành kèm theo Tư trình số: 1946/TT-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT		Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giải ngân từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
						TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu tiền sử dụng đất						
						Số quyết định, ngày, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất		Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất				
		TỔNG SỐ				867.150	796.850	265.793	265.793	-	-	200.000	200.000	-	-					
a	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất							27.000	27.000			7.500	7.500							
b	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất											150.000	150.000							
c	Vốn thực hiện dự án					867.150	796.850	238.793	238.793	-	-	42.500	42.500	-	-					
*	TỈNH QUẢN LÝ					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	19.550	19.550	-	-					
I	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	19.550	19.550	-	-					
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	19.550	19.550	-	-					
	Dự án nhóm A					742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	19.550	19.550	-	-					
I	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn I, huyện Châu Thành A		CTA	2010-2023	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	114.218	114.218	-	-	19.550	19.550	-	-					
**	HUYỆN QUẢN LÝ					124.875	124.575	124.575	124.575	-	-	22.950	22.950	-	-					
I	UBND thành phố Vị Thanh					42.024	42.024	42.024	42.024	-	-	4.420	4.420	-	-					
	Dự án Khuất công mới năm 2021					42.024	42.024	42.024	42.024	-	-	4.420	4.420	-	-					
	Dự án nhóm C					42.024	42.024	42.024	42.024	-	-	4.420	4.420	-	-					
I	Nâng cấp sửa chữa Đường số 1 phường 4, thành phố Vị Thanh		Phường VII, Hòa Lưu	2021-2023		4.731	4.731	4.731	4.731	-	-	1.500	1.500	-	-					
2	Đường Hòa Bình nối dài		Phường V	2021-2023		37.293	37.293	37.293	37.293	-	-	2.920	2.920	-	-					
II	UBND thành phố Ngã Bảy					17.193	17.193	17.193	17.193	-	-	2.975	2.975	-	-					
	Dự án Khuất công mới năm 2021					17.193	17.193	17.193	17.193	-	-	2.975	2.975	-	-					
	Dự án nhóm C					17.193	17.193	17.193	17.193	-	-	2.975	2.975	-	-					

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch 5 năm giải ngân từ năm 2021 đến năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu tiền sử dụng đất							
						TMDT	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó							
														Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất		
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm phường Lái Hào (đoạn từ đường Ngõ Quyền đến Trụ sở phường)		Phường Lái Hào	2021-2025		3.193	3.193	3.193	3.193					1.100	1.100						
2	Công viên cây xanh và khu tái định cư cấp đường Lê Hồng Phong và đường Phạm Hùng (nối dài)		Phường Ngã Bảy	2021-2023		14.000	14.000	14.000	14.000					1.875	1.875						
III	UBND thị xã Long Mỹ					20.839	20.839	20.839	20.839					3.825	3.825						
	Dự án Khởi công mới năm 2021					20.839	20.839	20.839	20.839					3.825	3.825						
	Dự án nhóm C					20.839	20.839	20.839	20.839					3.825	3.825						
I	Tuyến lộ cấp kênh lộ hoang		Thuận An	2021-2023		5.339	5.339	5.339	5.339					1.800	1.800						
2	Tự sở UBND phường Vĩnh Tường			2021-2023		15.500	15.500	15.500	15.500					2.025	2.025						
IV	UBND huyện Long Mỹ					5.940	5.940	5.940	5.940					1.700	1.700						
	Dự án Khởi công mới năm 2021					5.940	5.940	5.940	5.940					1.700	1.700						
	Dự án nhóm C					5.940	5.940	5.940	5.940					1.700	1.700						
1	Tuyến đường kênh Ngang (đoạn từ cầu 7 Kỳ đến 7 Quyền)		Vĩnh Viễn	2021-2023		1.500	1.500	1.500	1.500					500	500						
2	Tuyến đường bờ đông kênh 2 Quyền đoạn từ cầu 10 Thuộc đến kênh Chông Mỹ		Vĩnh Viễn	2021-2023		4.440	4.440	4.440	4.440					1.200	1.200						
V	UBND huyện Vị Thủy					6.294	6.294	6.294	6.294					1.870	1.870						
	Dự án Khởi công mới năm 2021					6.294	6.294	6.294	6.294					1.870	1.870						
	Dự án nhóm C					6.294	6.294	6.294	6.294					1.870	1.870						
I	Đường GTNT ấp Tân Long		xã Vĩnh Tường	2021-2023		6.294	6.294	6.294	6.294					1.870	1.870						
IV	UBND huyện Phụng Hiệp					5.010	5.010	5.010	5.010					1.785	1.785						
	Dự án Khởi công mới năm 2021					5.010	5.010	5.010	5.010					1.785	1.785						
1	Tuyến Kênh Ngang TT Bưng Tàu- Xã Hiệp Hưng		TT Bưng Tàu- Xã Hiệp Hưng	2021-2023		5.010	5.010	5.010	5.010					1.785	1.785						
V	UBND huyện Châu Thành					17.891	17.591	17.591	17.591					2.975	2.975						
	Dự án Khởi công mới năm 2021					17.891	17.591	17.591	17.591					2.975	2.975						

Biểu mẫu số IV

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)

(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1946/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn vay lại			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Bội chi ngân sách địa phương				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vay lại		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
								Thu hồi các khoản ứng	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		
	TỔNG SỐ			926.446	252.741	673.436	215.741	-	-	47.000	47.000	-	-		
	Vốn thực hiện dự án			926.446	252.741	673.436	215.741	-	-	47.000	47.000	-	-		
*	Tình quản lý			91.829	36.141	91.829	36.141	-	-	5.000	5.000	-	-		
I	Sở Y tế			91.829	36.141	91.829	36.141	-	-	5.000	5.000	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			91.829	36.141	91.829	36.141	-	-	5.000	5.000	-	-		
	Dầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Hậu Giang	2021-2024	501/QĐ-UBND 19/3/2019	91.829	36.141	91.829	36.141			5.000	5.000				
**	Huyện quản lý			834.617	216.600	581.607	179.600	-	-	42.000	42.000	-	-		
I	UBND thành phố Vị Thanh			834.617	216.600	581.607	179.600	-	-	42.000	42.000	-	-		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			834.617	216.600	581.607	179.600	-	-	42.000	42.000	-	-		
	Mức riêng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2020-2024	363/QĐ-TTg ngày 23/3/2018	834.617	216.600	581.607	179.600			42.000	42.000				